

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC KHỐI 6 - TUẦN 12+13

MÔN TOÁN KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BÀI CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	LUYỆN TẬP
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	Bài 2/39 SGK : Tìm a) ƯCLN(1, 16) b) ƯCLN(8, 20) c) ƯCLN(84, 156) d) ƯCLN(16, 40, 176) Giải a) $ƯCLN(1, 16) = 1$. b) Ta có : $8 = 2^3$ $20 = 2^2 \cdot 5$ $\Rightarrow ƯCLN(8, 20) = 2^2 = 4$. c) Ta có : $84 = 2^2 \cdot 3 \cdot 7$ $156 = 2^2 \cdot 3 \cdot 13$ $\Rightarrow ƯCLN(84, 156) = 2^2 \cdot 3 = 12$. d) Ta có : $16 = 2^4$ $40 = 2^3 \cdot 5$ $176 = 2^4 \cdot 11$ $\Rightarrow ƯCLN(16, 40, 176) = 2^3 = 8$.
Vận dụng- Luyện tập	Bài 3/39 SGK : a) Ta có : $ƯC(18, 30) = 6$. Hãy viết tập hợp A các ước của 6. Nêu nhận xét về tập hợp $ƯC(18, 30)$ và tập hợp A. b) Cho hai số a và b . Để tìm tập hợp $ƯC(a, b)$, ta có thể tìm tập hợp các ước của $ƯCLN(a, b)$. Hãy tìm $ƯCLN$ rồi tìm tập hợp các ước chung của : i) 24 và 30 ii) 42 và 98 iii) 180 và 23 Giải a) $Ư(6) = \{1; 2; 3; 6\}$ $A = \{1; 2; 3; 6\}$ - Nhận xét: Ta thấy tập hợp $ƯC(18, 30) = \{1; 2; 3; 6\}$ nên tập hợp $ƯC(18, 30)$ giống với tập hợp A. b) Ghi nhớ : Cho hai số a và b . Để tìm tập hợp $ƯC(a, b)$, ta có thể tìm tập hợp các ước của $ƯCLN(a, b)$. i. Ta có : $24 = 2^3 \cdot 3$ $40 = 2^3 \cdot 5$ $\Rightarrow ƯCLN(24, 40) = 2^3 = 8$. Vậy: $ƯC(24, 40) = Ư(8) = \{1; 2; 3; 4; 8\}$. ii. Ta có : $42 = 2 \cdot 3 \cdot 7$ $98 = 2 \cdot 7^2$ $\Rightarrow ƯCLN(42, 98) = 2 \cdot 7 = 14$. Vậy: $ƯC(42, 98) = Ư(14) = \{1; 2; 7; 14\}$. iii. $180 = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$

$234 = 2 \cdot 3^2 \cdot 13$
 $\Rightarrow \text{ƯCLN}(180, 234) = 2 \cdot 3^2 = 18$
 Vậy: $\text{ƯC}(180, 234) = \text{Ư}(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$.

Bài 2/39 SGK : Tìm

- a) $\text{ƯCLN}(1, 16)$ b) $\text{ƯCLN}(8, 20)$ c) $\text{ƯCLN}(84, 156)$
 d) $\text{ƯCLN}(16, 40, 176)$

Giải

- a) $\text{ƯCLN}(1, 16) = 1$.
 b) Ta có : $8 = 2^3$
 $20 = 2^2 \cdot 5$
 $\Rightarrow \text{ƯCLN}(8, 20) = 2^2 = 4$.
 c) Ta có : $84 = 2^2 \cdot 3 \cdot 7$
 $156 = 2^2 \cdot 3 \cdot 13$
 $\Rightarrow \text{ƯCLN}(84, 156) = 2^2 \cdot 3 = 12$.
 d) Ta có : $16 = 2^4$
 $40 = 2^3 \cdot 5$
 $176 = 2^4 \cdot 11$
 $\Rightarrow \text{ƯCLN}(16, 40, 176) = 2^3 = 8$.

Bài 3/39 SGK :

a) Ta có : $\text{ƯC}(18, 30) = 6$. Hãy viết tập hợp A các ước của 6. Nêu nhận xét về tập hợp $\text{ƯC}(18, 30)$ và tập hợp A.

b) Cho hai số a và b . Để tìm tập hợp $\text{ƯC}(a, b)$, ta có thể tìm tập hợp các ước của $\text{ƯCLN}(a, b)$.

Hãy tìm ƯCLN rồi tìm tập hợp các ước chung của :

- ii) 24 và 30 ii) 42 và 98 iii) 180 và 23

Giải

- a) $\text{Ư}(6) = \{1; 2; 3; 6\}$
 $A = \{1; 2; 3; 6\}$

- Nhận xét: Ta thấy tập hợp $\text{ƯC}(18, 30) = \{1; 2; 3; 6\}$
 nên tập hợp $\text{ƯC}(18, 30)$ giống với tập hợp A.

b) **Ghi nhớ :** Cho hai số a và b . Để tìm tập hợp $\text{ƯC}(a, b)$, ta có thể tìm tập hợp các ước của $\text{ƯCLN}(a, b)$.

- i. Ta có : $24 = 2^3 \cdot 3$
 $40 = 2^3 \cdot 5$
 $\Rightarrow \text{ƯCLN}(24, 40) = 2^3 = 8$.
 Vậy: $\text{ƯC}(24, 40) = \text{Ư}(8) = \{1; 2; 3; 4; 8\}$.

- ii. Ta có : $42 = 2 \cdot 3 \cdot 7$
 $98 = 2 \cdot 7^2$
 $\Rightarrow \text{ƯCLN}(42, 98) = 2 \cdot 7 = 14$.
 Vậy: $\text{ƯC}(42, 98) = \text{Ư}(14) = \{1; 2; 7; 14\}$.

- iii. $180 = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$
 $234 = 2 \cdot 3^2 \cdot 13$
 $\Rightarrow \text{ƯCLN}(180, 234) = 2 \cdot 3^2 = 18$
 Vậy: $\text{ƯC}(180, 234) = \text{Ư}(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$.

Bài 4/39SGK : Rút gọn các phân số sau :

$$\frac{28}{42} \qquad \frac{60}{135} \qquad \frac{288}{180}$$

Giải

+ Có: $\text{ƯCLN}(28, 42) = 14$

$$\frac{28}{42} = \frac{28:14}{42:14} = \frac{2}{3}$$

+ Có: $\text{ƯCLN}(60, 135) = 15$

$$\frac{60}{135} = \frac{60:15}{135:15} = \frac{4}{9}$$

+ Có: ƯCLN (288, 180) = 15

$$\frac{288}{180} = \frac{288:36}{180:36} = \frac{8}{5}$$

Bài 5/39 SGK : Chị Lan có ba đoạn dây ruy băng màu khác nhau , với độ dài lần lượt là 140 cm , 168 cm và 210 cm. Chị muốn cắt cả 3 đoạn dây đó thành những đoạn ngắn hơn có cùng chiều dài để làm nơ trang trí mà không bị thừa ruy băng. Tính độ dài lớn nhất có thể của mỗi đoạn dây ngắn được cắt ra (độ dài mỗi đoạn dây ngắn là một số tự nhiên với đơn vị là cm). Khi đó chị Lan có được bao nhiêu đoạn dây ruy băng ngắn?

Giải

Gọi độ dài lớn nhất có thể của dây ruy băng là x (cm). (x ∈ N)

$$\text{Vì } \begin{cases} 140 : x \\ 168 : x \\ 210 : x \end{cases} \text{ và } x \text{ lớn nhất}$$

$$\text{Nên } x = \text{ƯCLN} (140, 168, 210)$$

$$\text{Ta có: } 140 = 2^2 \cdot 5 \cdot 7$$

$$168 = 2^3 \cdot 3 \cdot 7$$

$$210 = 2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN}(140, 168, 210) = 2 \cdot 7 = 14.$$

Vậy độ dài lớn nhất có thể của mỗi đoạn dây ngắn được cắt ra là: 14 cm.

Khi đó :

$$\text{Đoạn dây dài 140 cm cắt được: } 140 : 14 = 10 \text{ (đoạn).}$$

$$\text{Đoạn dây dài 168 cm cắt được: } 168 : 14 = 12 \text{ (đoạn).}$$

$$\text{Đoạn dây dài 210 cm cắt được: } 210 : 14 = 15 \text{ (đoạn).}$$

- Số đoạn dây ruy băng ngắn chị Lan có được là:

$$10 + 12 + 15 = 37 \text{ (đoạn dây).}$$

Vậy chị Lan có được tổng cộng 37 đoạn dây ruy băng ngắn sau khi cắt.

Bài 1/43SGK : Tìm

a) BC(6, 14) b) BC(6, 20, 30) c) BCNN(1, 6)

d) BCNN(10, 1, 12) e) BCNN(5, 14)

Giải

a) Ta có: 6 = 2.3

$$14 = 2.7$$

$$\Rightarrow \text{BCNN}(6, 14) = 2.3.7 = 42$$

$$\Rightarrow \text{BC}(6, 14) = \text{B}(42) = \{0; 42; 84; 126; \dots\}.$$

b) Ta có: 6 = 2.3

$$20 = 2^2.5$$

$$30 = 2 \cdot 3 \cdot 5$$

$$\text{BCNN}(6, 20, 30) = 2^2.3.5 = 60$$

$$\Rightarrow \text{BC}(6, 20, 30) = \text{B}(60) = \{0; 60; 120; 180; 240; \dots\}.$$

c) Vì hai số 1 và 6 là hai số nguyên tố cùng nhau

$$\Rightarrow \text{BCNN}(1, 6) = 6.$$

d) Ta có: 10 = 2 . 5

$$12 = 2^2 \cdot 3$$

$$\Rightarrow \text{BCNN}(10, 1, 12) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 = 60.$$

e) Vì hai số 5 và 14 là hai số nguyên tố cùng nhau

$$\Rightarrow \text{BCNN}(5, 14) = 5 \cdot 14 = 70$$

Bài 2/43 SGK :

a) Ta có : BCNN (12, 16) = 48 . Hãy viết tập hợp A các bội của 48. Nêu nhận xét về tập hợp BC (12, 16) và tập hợp A.

b) Để tìm tập hợp bội chung của hai số tự nhiên a và b , ta có thể tìm tập hợp các

bội của BCNN (a,b).

Hãy tìm tập hợp các bội chung của :

iii) 24 và 30 ii) 42 và 60 iii) 60 và 150 iv) 28 và 35

Giải

a) $B(48) = \{0; 48; 96; 144; 192; \dots\}$

$$A = \{0; 48; 96; 144; 192; \dots\}$$

- Nhận xét: Tập hợp $BC(12, 16)$ chính là tập hợp A.

b) Ghi nhớ : Để tìm tập hợp bội chung của hai số tự nhiên a và b , ta có thể tìm tập hợp các bội của BCNN (a,b).

i. Ta có : $24 = 2^3 \cdot 3$

$$36 = 2^2 \cdot 3^2$$

$$\Rightarrow BCNN(24, 36) = 2^3 \cdot 3^2 = 72$$

$$\Rightarrow BC(24, 36) = B(72) = \{0; 72; 144; 216; \dots\}.$$

ii. Ta có : $42 = 2 \cdot 3 \cdot 7$

$$60 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$$

$$\Rightarrow BCNN(42, 60) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7 = 420$$

$$\Rightarrow BC(42, 60) = B(420) = \{0; 420; 840; 1260; \dots\}.$$

iii. Ta có : $60 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$

$$150 = 2 \cdot 3 \cdot 5^2$$

$$\Rightarrow BCNN(60, 150) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5^2 = 300$$

$$\Rightarrow BC(60, 150) = B(300) = \{0; 300; 600; 900; 1200; \dots\}.$$

iv. Ta có : $28 = 2^2 \cdot 7$

$$35 = 5 \cdot 7$$

$$\Rightarrow BCNN(28, 35) = 2^2 \cdot 5 \cdot 7 = 140$$

$$\Rightarrow BC(28, 35) = B(140) = \{0; 140; 280; 420; 560; \dots\}.$$

Bài 4/44 SGK : Thực hiện các phép tính (có sử dụng BCNN)

a) $\frac{11}{15} + \frac{9}{10}$

b) $\frac{5}{6} + \frac{7}{9} + \frac{11}{12}$

c) $\frac{7}{24} - \frac{2}{21}$

d) $\frac{11}{36} - \frac{7}{24}$

Giải

a) Có: $BCNN(15, 10) = 30$

$$\frac{11}{15} + \frac{9}{10} = \frac{22}{30} + \frac{27}{30} = \frac{49}{30}$$

b) Có: $BCNN(6, 9, 12) = 36$

$$\frac{5}{6} + \frac{7}{9} + \frac{11}{12} = \frac{30}{36} + \frac{28}{36} + \frac{33}{36} = \frac{91}{36}$$

c) Có: $BCNN(24, 21) = 168$

$$\frac{7}{24} - \frac{2}{21} = \frac{49}{168} - \frac{16}{168} = \frac{33}{168} = \frac{11}{56}$$

d) Có: $BCNN(36, 24) = 72$

$$\frac{11}{36} - \frac{7}{24} = \frac{22}{72} - \frac{21}{72} = \frac{1}{72}$$

Bài 5/44 SGK : Chị Hoa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 3 bông , 5 bông hay 7 bông thì đều vừa hết. Hỏi chị Hoa có bao nhiêu bông sen? Biết rằng chị Hoa có khoảng từ 200 đến 300 bông.

Giải

Gọi Số bông sen chị Hoa có là: x (bông) , $(x \in \mathbb{N}^*, 200 \leq x \leq 300)$

$$\text{Vì } \begin{cases} x : 3 \\ x : 5 \\ x : 7 \end{cases} \text{ và } 200 \leq x \leq 300$$

Nên $x \in BC(3, 5, 7)$ và $200 \leq x \leq 300$

Ta có: $3 = 3$

$$5 = 5$$

$$7 = 7$$

	$\Rightarrow BCNN(3, 5, 7) = 3 \cdot 5 \cdot 7 = 105$ $\Rightarrow BC(3, 5, 7) = B(105) = \{0; 105; 210; 315; \dots\}$ Mà $200 \leq x \leq 300 \Rightarrow x = 210$ Vậy số bông sen chị Hoa có 210 bông.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	* DẶN DỒ: Bài tập về nhà : 1)Tìm: a) ƯCLN(24; 36; 72) b) BCNN(56; 70; 126) 2)Năm 2020, một đội nghi thức của một trường THCS có khoảng 100 đến 200 đội viên đã tham hội thi Nghi thức Đội cấp thành phố. Khi tham gia biểu diễn, đội xếp đội hình 10 hàng, 15 hàng, 18 hàng đều vừa đủ. Hỏi đội nghi thức của một trường THCS đó có bao nhiêu đội viên? 3)Ba xe chở hàng cho một công ty. Xe I cứ 20 phút chở được một chuyến. Xe II cứ 30 phút chở được một chuyến. Xe III cứ 40 phút chở được một chuyến. Cả ba xe cùng khởi hành lúc 7 giờ. Hỏi thời gian gần nhất ba xe gặp nhau là mấy giờ? 4)Để giúp đỡ đồng bào miền Trung bị lũ lụt xây dựng lại nhà cửa. Một đội thanh niên tình nguyện gồm 56 nam, 24 nữ được chia thành nhiều nhóm để đi giúp đỡ trong các vùng bị thiên tai. Hỏi cách chia nào để có nhiều nhóm nhất và khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ ? 5)Trong đợt mùa lũ vừa qua, miền Trung bị thiệt hại nặng nề do xả lũ, nhiều hộ dân và các trường học bị ngập lụt, nhiều học sinh ướt hết sách vở. Hưởng ứng phong trào thiện nguyện, một nhóm học sinh quyên góp được 18 quyển sách và 24 quyển vở. Theo em nhóm có thể chia thành mấy gói quà mà số sách và vở ở mỗi gói như nhau. Có thể chia nhiều nhất bao nhiêu gói quà?

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 12

(Từ 22/11/2021 đến 27/11/2021)

MÔN: SỐ HỌC. KHỐI 6

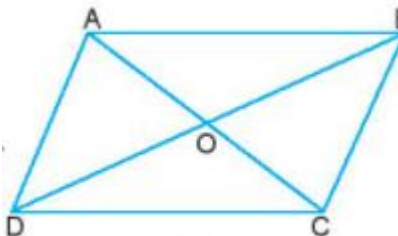
NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BÀI CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	BIỂU ĐỒ TRANH
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	1. Ôn tập và bổ sung kiến thức. Ghi nhớ : Biểu đồ tranh sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh để thể hiện dữ liệu. Biểu đồ tranh có tính trực quan, dễ hiểu. Trong biểu đồ tranh, một biểu tượng (hoặc hình ảnh) có thể thay thế cho một số các đối tượng. 2. Đọc biểu đồ tranh VD : Số học sinh được điểm 10 môn toán trong tuần của khối lớp 6: 14 học sinh. Trong đó: Thứ hai có 3 học sinh Thứ ba có 2 học sinh Thứ tư có 1 học sinh Thứ năm có 5 học sinh Thứ sáu có 3 học sinh. Chú ý: Để đọc và mô tả dữ liệu ở dạng biểu đồ tranh, trước hết ta cần xác định một hình ảnh (biểu tượng) thay thế cho bao nhiêu đối tượng. Từ số lượng hình ảnh (biểu tượng), ta sẽ có số đối tượng tương ứng. 3. Vẽ biểu đồ tranh

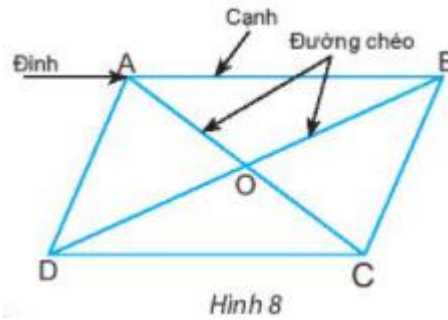
Vận dụng- Luyện tập	VD: Một cửa hàng xe đạp ghi lại số xe bán được trong tháng bằng bảng số liệu sau :												
	Màu xe đạp	Xanh dương	Xanh lá cây	Đỏ	Vàng	Trắng bạc							
	Số xe bán được	20	15	30	10	25							
	Sử dụng biểu tượng :  = 10 xe ;  = 5 xe												
	Giải Từ bảng thống kê, ta vẽ được biểu đồ tranh như sau:												
	<table><tr><th>Màu xe đạp</th><th>Số xe bán được trong tháng</th></tr><tr><td>Xanh dương</td><td></td></tr><tr><td>Xanh lá cây</td><td></td></tr><tr><td>Đỏ</td><td></td></tr><tr><td>Vàng</td><td></td></tr><tr><td>Trắng bạc</td><td></td></tr></table>	Màu xe đạp	Số xe bán được trong tháng	Xanh dương		Xanh lá cây		Đỏ		Vàng		Trắng bạc	
Màu xe đạp	Số xe bán được trong tháng												
Xanh dương													
Xanh lá cây													
Đỏ													
Vàng													
Trắng bạc													
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	* DẶN DÒ : Làm bài tập 1,2,3/ 108,109 SGK												

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 13

(Từ 29/11/2021 đến 04/12/2021)

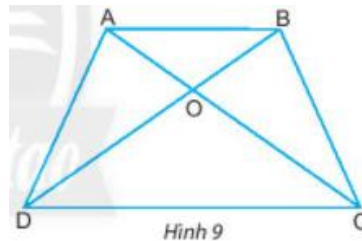
MÔN: HÌNH HỌC. KHỐI 6

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BÀI CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	HÌNH BÌNH HÀNH , HÌNH THANG CÂN
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	1. Hình bình hành  Hình 7 - Độ dài cạnh AB và CD bằng nhau, độ dài cạnh AD và BC bằng nhau. - Cặp cạnh AB và CD song song nhau và cặp cạnh AD và BC song song nhau. - OA và OC bằng nhau, OB và OD bằng nhau. => Hình bình hành ABCD có:

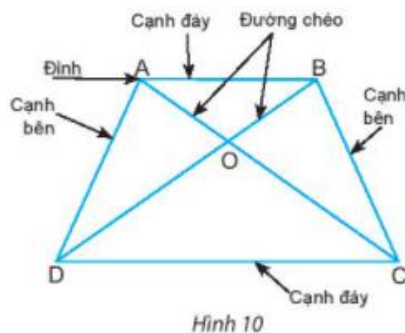


- Bốn **đỉnh** A, B, C, D.
- Hai cặp **cạnh đối diện** bằng nhau:
 $AB = CD$; $BC = AD$.
- Hai cặp **cạnh đối diện** song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Hai cặp **góc đối diện** bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh C, góc đỉnh B bằng góc đỉnh D.
- Hai **đường chéo** cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:
 $OA = OC$; $OB = OD$.

2) Hình thang cân:



- Hai cạnh bên BC và AD bằng nhau.
 - AB song song với CD.
 - Hai đường chéo AC và BD bằng nhau.
- => **Hình thang** ABCD có:



- Hai **cạnh đáy** song song: AB song song với CD.
 - Hai **cạnh bên** bằng nhau: $BC = AD$.
 - Hai **góc kề** một đáy bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh B, góc đỉnh C bằng góc đỉnh D.
 - Hai **đường chéo** bằng nhau: $AC = BD$.
- Hình thang ABCD như thế được gọi là **hình thang cân**.

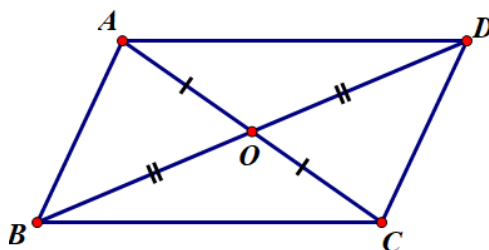
Vận dụng- Luyện tập

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

* DẶN DÒ :

* Bài tập 1 : Cho hình bên

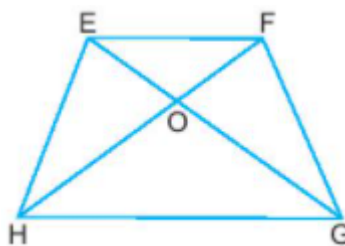
- a) Hãy cho biết các cạnh bằng nhau, các đoạn thẳng bằng nhau
- b) Hãy cho biết các cạnh song song nhau



* Bài tập 2:

a) Hãy cho biết góc ở đỉnh H bằng góc ở đỉnh nào ?

b) EG, EH lần lượt bằng các đoạn thẳng nào ?



MÔN TOÁN KHỐI 6 TUẦN 13

MÔN SỐ HỌC . KHỐI 6

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BÀI CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	ÔN TẬP CHƯƠNG I
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	Bài 1/46 SGK : Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể) a) $A = 37 \cdot 173 + 62 \cdot 173 + 173$ $= 37 \cdot 173 + 62 \cdot 173 + 173 \cdot 1$ $= 173 \cdot (37 + 62 + 1)$ $= 173 \cdot 200$ $= 17\,300$ b) $B = 72 \cdot 99 + 28 \cdot 99 - 900$ $= 99 \cdot (72 + 28) - 900$ $= 99 \cdot 100 - 900$ $= 9\,900 - 900$ $= 9\,000$ c) $C = 2^3 \cdot 3 - (1^{10} + 15) : 4^2$ $= 2^3 \cdot 3 - (1 + 15) : 4^2$ $= 2^3 \cdot 3 - 16 : 4^2$ $= 8 \cdot 3 - 16 : 16$ $= 24 - 1$ $= 23$ d) $D = 6^2 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 5^2 - 210^0$ $= 36 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 25 - 1$ $= 9 \cdot 3 + 50 - 1$ $= 27 + 50 - 1$ $= 77 - 1$ $= 76$

**Vận dụng-
Luyện tập**

Bài 2: Tìm các chữ số x,y biết :

a) $\overline{12x02y}$ chia hết cho 2, 3 và 5

b) $\overline{413x2y}$ chia hết cho 5 và 9 mà không chia hết cho 2

Giải

a) $\overline{12x02y}$ chia hết cho 2 và 5 khi chữ số tận cùng của nó là 0

$$\Rightarrow y = 0$$

$\overline{12x020}$ chia hết cho 3 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 3

$$\text{Nên } (1 + 2 + x + 0 + 2 + 0) : 3$$

$$\Rightarrow (x + 5) : 3 \quad \text{và} \quad 0 \leq x \leq 9$$

$$\Rightarrow x \in \{1; 4; 7\}$$

Vậy để $\overline{12x02y}$ chia hết cho 2; 3 và 5 thì $y = 0$ và $x \in \{1; 4; 7\}$.

b) $\overline{413x2y}$ chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2 khi chữ số tận cùng của nó là 5

$$\Rightarrow y = 5$$

$\overline{413x25}$ chia hết cho 9 khi tổng các chữ số của nó cũng chia hết cho 9

$$\text{Nên } (4 + 1 + 3 + x + 2 + 5) : 9$$

$$\Rightarrow (x + 15) : 9 \quad \text{và} \quad 0 \leq x \leq 9$$

$$\Rightarrow x = 3$$

Vậy để $\overline{413x2y}$ chia hết cho 5 và 9 mà không chia hết cho 2 thì $y = 5$ và $x = 3$.

Bài 3/46SGK :Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử

a) $A = \{a \in \mathbb{N} | 84 : a, 180 : a \text{ và } a > 6\}$

b) $B = \{b \in \mathbb{N} | b : 12, b : 15, b : 18 \text{ và } 0 < b < 300\}$

c) Giải

a) Theo đề bài: $\begin{cases} 84 : a \\ 180 : a \end{cases} \Rightarrow a \in \text{ƯC}(84, 180) \quad \text{và} \quad a > 6.$

$$\text{Ta có: } 84 = 2^2 \cdot 3 \cdot 7$$

$$180 = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$$

$$\text{ƯCLN}(84, 180) = 2^2 \cdot 3 = 12$$

$$\Rightarrow \text{ƯC}(84, 180) = \text{Ư}(12) = \{1; 2; 3; 4; 6; 12\}$$

Mà $a \in \text{ƯC}(84, 180)$ và $a > 6$.

$$\text{Nên } a = 12$$

$$\text{Vậy } A = \{12\}.$$

b) Vì $\begin{cases} b : 12 \\ b : 15 \\ b : 18 \end{cases}$ nên $b \in \text{BC}(12, 15, 18) \quad \text{và} \quad 0 < b < 300$

$$\text{Ta có: } 12 = 2^2 \cdot 3$$

$$15 = 3 \cdot 5$$

$$18 = 2 \cdot 3^2$$

$$\Rightarrow \text{BCNN}(12, 15, 18) = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5 = 180$$

$$\Rightarrow \text{BC}(12, 15, 18) = \text{B}(180) = \{0; 180; 360; \dots\}$$

Mà $b \in \text{BC}(12, 15, 18) \quad \text{và} \quad 0 < b < 300$

$$\Rightarrow b = 180$$

$$\text{Vậy } B = \{180\}.$$

Bài 4/46 SGK : Trong dịp “Hội xuân 2020 “ , để gây quỹ giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, lớp 6 A bán 2 mặt hàng (như bảng ở cột bên) với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500.000 đồng. Trong thực tế các bạn đã bán được số lượng hàng như nhau : Trà sữa bán được 93 ly, dừa bán được 64 quả.

Hỏi lớp 6 A thu được bao nhiêu tiền lãi ? Lớp 6 a có hoàn thành mục tiêu đề ra hay không ?

STT	Tên hàng	Số lượng đã nhập	Giá nhập	Giá bán
1	Trà sữa	100 ly	16500 đồng / ly	20000 đồng /ly
2	Dừa	70 quả	9800 đồng / quả	15000 đồng / quả

Giải

Số tiền lớp 6A bỏ ra để nhập hàng là:

$$100 \cdot 16\,500 + 70 \cdot 9\,800 = 2\,336\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền lớp 6A bán được là:

$$93 \cdot 20\,000 + 64 \cdot 15\,000 = 2\,820\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền lãi lớp 6A thu được là:

$$2\,820\,000 - 2\,336\,000 = 484\,000 \text{ (đồng)} < 500\,000 \text{ (đồng)}$$

Vậy: Với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500 000 đồng thì lớp 6A **không hoàn thành** mục tiêu đã đề ra.

Bài 5 /46 SGK: Thực vật được cấu tạo bởi các tế bào. Tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định thì phân chia ra thành 2 tế bào con. Các tế bào con tiếp tục tăng kích thước và lại phân chia thành 4 tế bào, rồi thành 8 tế bào,

Hãy cho biết số tế bào con có được sau lần phân chia thứ tư, thứ năm, thứ sáu từ một tế bào ban đầu.

Giải

Lần 1: Phân chia thành 2 tế bào con

Lần 2: Phân chia thành 4 tế bào con $\Rightarrow 4 = 2^2$

Lần 3: Phân chia thành 8 tế bào con $\Rightarrow 8 = 2^3$

$\Rightarrow$ Ta nhận thấy các tế bào phân chia theo lũy thừa của cơ số 2.

Vậy:

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ tư là: $2^4 = 16$ tế bào

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ năm là: $2^5 = 32$ tế bào

Số tế bào con có được sau lần phân chia thứ sáu là: $2^6 = 64$ tế bào.

Bài 6/46 SGK : Huy chơi xếp 36 que tăm thành những hình giống nhau như các hình dưới đây. Trong mỗi trường hợp a,b,c,d Huy xếp được bao nhiêu hình như vậy ?

Giải

a) Ở trường hợp a, Huy dùng 3 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: $36 : 3 = 12$ hình.

b) Ở trường hợp b, Huy dùng 3 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: $36 : 4 = 9$ hình.

c) Ở trường hợp c, Huy dùng 9 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: $36 : 9 = 4$ hình.

d) Ở trường hợp d, Huy dùng 12 que tăm để xếp được 1 hình.

Vậy với 36 que tăm thì Huy xếp được số hình là: $36 : 12 = 3$ hình.

Bài 8/47 SGK: Nhóm các bạn lớp 6B cần chia 48 quyển vở, 32 chiếc thước kẻ và 56 bút chì vào trong các túi quà để mang tặng các bạn ở trung tâm trẻ mồ côi sao cho số quyển, thước kẻ, bút chì ở mỗi túi đều như nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm các bạn có thể chia được. Khi đó số lượng vở, thước kẻ, bút chì trong mỗi túi là bao nhiêu ?

Giải

Gọi số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm có thể chia được là x (túi), ($x \in \mathbb{N}^*$)

Theo đề bài
$$\begin{cases} 48 : x \\ 32 : x \\ 56 : x \end{cases} \text{ và } x \text{ lớn nhất.}$$

$$\Rightarrow x = \text{ƯCLN}(48, 32, 56)$$

$$\text{Ta có : } 48 = 2^4 \cdot 3$$

$$32 = 2^5$$

$$56 = 2^3 \cdot 7$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN}(48, 32, 56) = 2^3 = 8$$

Vậy số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm có thể chia được là : 8 túi.

Khi đó, số lượng vở trong mỗi túi là : $48 : 8 = 6$ (quyển)

	số lượng thước kẻ trong mỗi túi là : $32 : 8 = 4$ (chiếc) số lượng bút chì trong mỗi túi là : $56 : 8 = 7$ (chiếc)
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	*DẶN DÒ : Xem trước bài , Chương 2 : Số Nguyên

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 13

(Từ 29/11/2021 đến 04/12/2021)

MÔN: SỐ HỌC. KHỐI 6

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BÀI CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	LUYỆN TẬP BIỂU ĐỒ TRANH
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	Bài 1/108 SGK : Xem biểu đồ tranh và cho biết : a) Xã nào có ít máy cày nhất? b) Xã nào có nhiều máy cày nhất? c) Xã A có nhiều hơn xã E bao nhiêu máy cày? d) Tổng số máy cày của cả 5 xã là bao nhiêu ? Giải a) Xã E có ít máy cày nhất (15 máy). b) Xã A có nhiều máy cày nhất (50 máy). c) Ta có: $50 - 15 = 35$ => Xã A có nhiều hơn xã E 35 máy cày. d) Số máy cày 5 xã: Xã A: 50 máy cày Xã B: 45 máy cày Xã C: 25 máy cày Xã D: 40 máy cày Xã E: 15 máy cày => Tổng số máy cày : $50 + 45 + 25 + 40 + 15 = 175$ máy cày Vậy: Tổng số máy cày của 5 xã là 175 máy cày. Bài 2/108 SGK : Xem biểu đồ tranh và cho biết : a) Lớp nào có ít học sinh nữ nhất ? b) Có phải lớp 6A4 có nhiều học sinh nữ hơn lớp 6A5 không ? c) Lớp 6A6 có bao nhiêu học sinh nữ ? d) Tổng số học sinh nữ của các lớp khối 6 là bao nhiêu ? Giải a) Lớp 6A3 có ít học sinh nữ nhất (10 học sinh). b) Không. Lớp 6A5 có 30 học sinh nữ, lớp 6A4 có 20 học sinh nữ => Lớp 6A4 có ít học sinh nữ hơn lớp 6A5. c) Lớp 6A6 có 20 học sinh nữ. d) Số học sinh nữ: Lớp 6A1: 20 học sinh nữ Lớp 6A2: 30 học sinh nữ Lớp 6A3: 10 học sinh nữ Lớp 6A4: 20 học sinh nữ
Vận dụng- Luyện tập	

Lớp 6A5: 30 học sinh nữ
 Lớp 6A6: 20 học sinh nữ
 $\Rightarrow$ Tổng cộng : $20 + 30 + 10 + 20 + 30 + 20 = 130$ học sinh nữ
 Vậy: Tổng số học sinh nữ của các lớp khối là **130** học sinh.

Bài 3/ 109 SGK : Bằng cách dùng biểu tượng  đại diện cho 10 xe và biểu tượng  cho 5 xe , hãy vẽ biểu đồ tranh biểu diễn bảng thông kê sau :

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Số xe bán được	30	45	60	85	50

Giải

Số xe ô tô bán được của cửa hàng A	
Năm	Số xe bán được
2016	
2017	
2018	
2019	
2020	

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

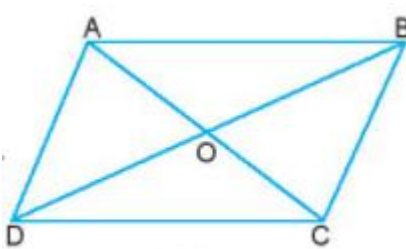
*** DẶN DÒ :**

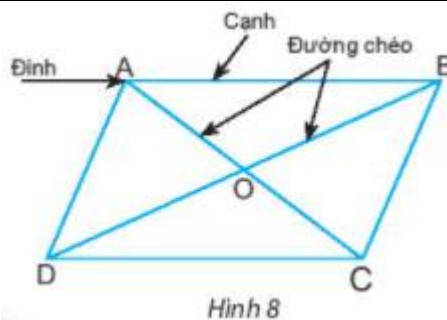
- Đọc và chuẩn bị trước bài sau : “ **Biểu đồ cột – Biểu đồ cột kép**”.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 13

(Từ 29/11/2021 đến 04/12/2021)

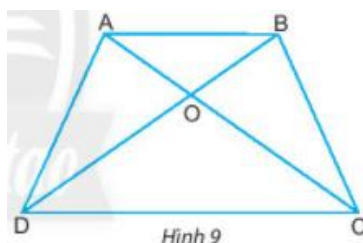
MÔN: HÌNH HỌC. KHỐI 6

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BÀI CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	HÌNH BÌNH HÀNH , HÌNH THANG CÂN
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	2. Hình bình hành  <i>Hình 7</i> - Độ dài cạnh AB và CD bằng nhau, độ dài cạnh AD và BC bằng nhau. - Cặp cạnh AB và CD song song nhau và cặp cạnh AD và BC song song nhau. - OA và OC bằng nhau, OB và OD bằng nhau. $\Rightarrow$ Hình bình hành ABCD có:

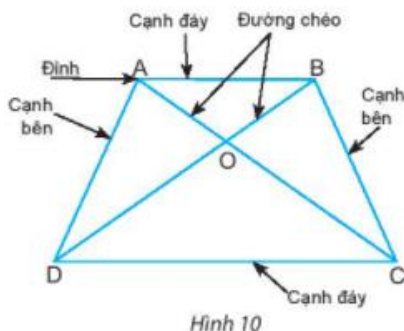


- Bốn **đỉnh** A, B, C, D.
- Hai cặp **cạnh đối diện** bằng nhau:
 $AB = CD$; $BC = AD$.
- Hai cặp **cạnh đối diện** song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Hai cặp **góc đối diện** bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh C, góc đỉnh B bằng góc đỉnh D.
- Hai **đường chéo** cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:
 $OA = OC$; $OB = OD$.

3) Hình thang cân:



- Hai cạnh bên BC và AD bằng nhau.
 - AB song song với CD.
 - Hai đường chéo AC và BD bằng nhau.
- => **Hình thang** ABCD có:



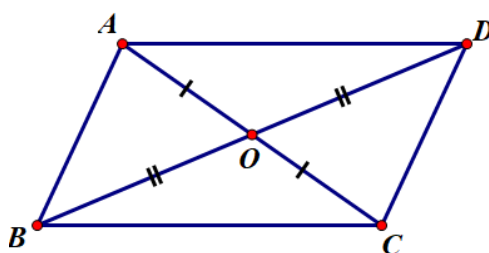
- Hai **cạnh đáy** song song: AB song song với CD.
 - Hai **cạnh bên** bằng nhau: $BC = AD$.
 - Hai **góc kề** một đáy bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh B, góc đỉnh C bằng góc đỉnh D.
 - Hai **đường chéo** bằng nhau: $AC = BD$.
- Hình thang ABCD như thế được gọi là **hình thang cân**.

Vận dụng- Luyện tập

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

* DẶN DÒ :

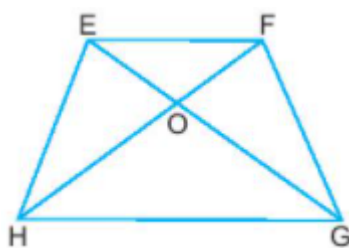
- * Bài tập 1 : Cho hình bên
- c) Hãy cho biết các cạnh bằng nhau, các đoạn thẳng bằng nhau
- d) Hãy cho biết các cạnh song song nhau



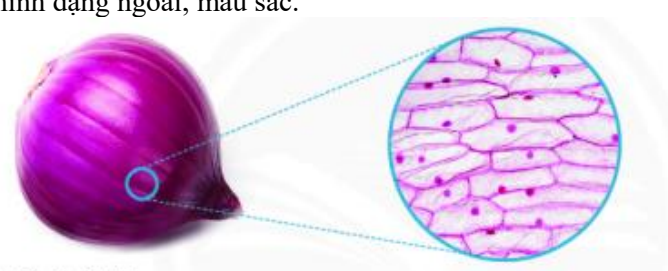
* Bài tập 2:

c) Hãy cho biết góc ở đỉnh H bằng góc ở đỉnh nào ?

d) EG, EH lần lượt bằng các đoạn thẳng nào ?



MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên chủ đề : TẾ BÀO- ĐƠN VỊ CỦA SỰ SỐNG	Tiết 1+2- BÀI 18- THỰC HÀNH QUAN SÁT TẾ BÀO SINH VẬT. -Ghi nội dung trọng tâm SGK. - Thực hiện các yêu cầu theo phiếu học tập ở HĐ 1&2 vào tập
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Yêu cầu: Mô tả được hình ảnh tế bào lớn và tế bào nhỏ thông qua quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và quan sát hình ảnh chụp tế bào nhỏ qua kính lúp, kính hiển vi quang học. - Quan sát tế bào trứng cá chép bằng mắt thường - HS vẽ, chú thích được tế bào trứng cá - Mô tả hình dạng ngoài, màu sắc.  - Quan sát tế bào biểu bì vẩy hành bằng kính lúp cầm tay (Nếu có) HS vẽ, chú thích được tế bào biểu bì vẩy hành. - Mô tả hình dạng ngoài, màu sắc.  -Giải thích: Khi tách tế bào biểu bì vẩy hành phải lấy một lớp thật mỏng vì biểu

bì vảy hành gồm nhiều lớp xếp sát nhau, nếu không tách mỏng thì các lớp tế bào sẽ chồng lên nhau khó quan sát.

3. Quan sát tế bào biểu bì da ếch bằng kính hiển vi (Nếu có)

-HS vẽ, chú thích tế bào biểu bì da ếch.

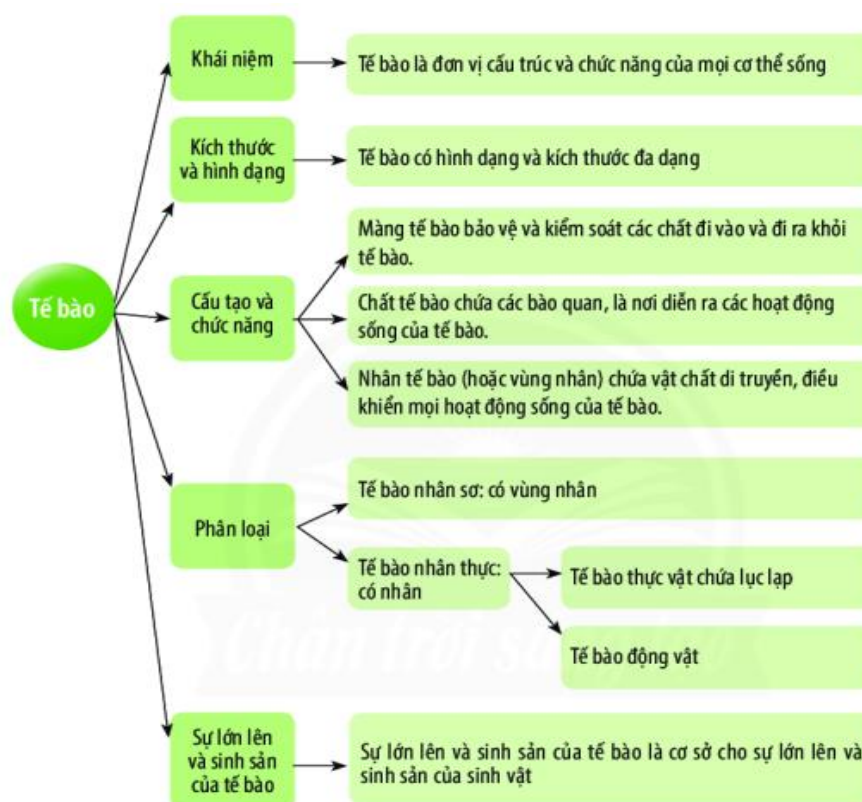
-Mô tả hình dạng, màu sắc.



Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

TIẾT 3- ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 6: TẾ BÀO -ĐƠN VỊ CỦA SỰ SỐNG SINH VẬT

Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thức



Hoạt động 2: Hướng dẫn giải bài tập 1,2,3 theo SGK.

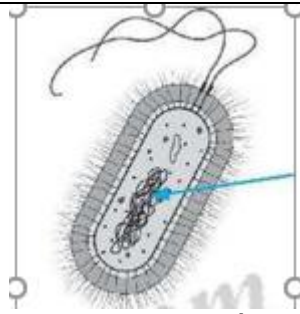
Một số bài tập mở rộng: (Mức độ nhận biết và thông hiểu)

Câu 1: Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A.Xe ô tô. B. Cây cầu.
c. Cây bạch đàn. D. Ngôi nhà.

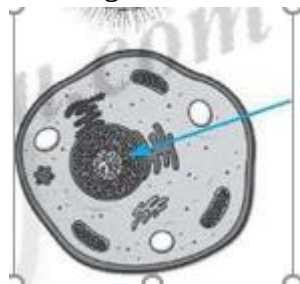
Câu 2: Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.

- A. Màng tế bào.
B. Chất tế bào
C. Nhân tế bào
D. Vùng nhân.



Câu 3: Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào

- A. Màng tế bào
- B. Chất tế bào
- C. Nhân tế bào.
- D. Vùng nhân.



Câu 4:

Đặc điểm của tế bào nhân thực là

- A. có thành tế bào.
- B. Có chất tế bào.
- c. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
- D. Có lục lạp.

Câu 5: Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

- A .8.
- B.6.
- C.4.
- D.2.

Câu 6: Điền từ thích hợp vào ô tương ứng

Thành phần câu	Chức năng
	Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.
	Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
	Bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.
	Bao bọc khối vật chất di truyền.

KHOA HỌC TỰ NHIÊN KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ														
Tên bài học	Lưu ý các em học sinh: + Ghi vào tập tên bài, nội dung trọng tâm + Tìm hiểu thêm thông tin sgk , tài liệu từ internet Bài 19: CƠ THỂ ĐƠN BÀO VÀ CƠ THỂ ĐA BÀO. BÀI 20: CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC TRONG CƠ THỂ ĐA BÀO														
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu	Bài 19: CƠ THỂ ĐƠN BÀO VÀ CƠ THỂ ĐA BÀO. I. CƠ THỂ ĐƠN BÀO Học sinh quan sát hình ảnh sgk, tìm hiểu để trả lời các câu hỏi Câu 1: Các cơ thể sinh vật trong hình 19.1 a và 19.1 b đều được cấu tạo từ một tế bào. Tế bào gồm ba thành phần chính là màng tế bào, chất tế bào và nhân tế bào hoặc vùng nhân. Câu 2: Trùng roi và vi khuẩn không quan sát được bằng mắt thường vì cơ thể chỉ cấu tạo từ một tế bào, tế bào có kích thước hiển vi. Kết luận: Cơ thể đơn bào - Cấu tạo từ một tế bào. - Một tế bào thực hiện tất cả các chức năng sống. - Ví dụ: vi khuẩn lao, trùng roi,... II. CƠ THỂ ĐA BÀO Học sinh quan sát hình ảnh sgk, tìm hiểu để trả lời các câu hỏi Câu 3: Hình 19.1 là sinh vật đơn bào, cơ thể chỉ cấu tạo gồm một tế bào, thực hiện các chức năng sống đơn giản. Hình 19.2 là sinh vật đa bào, cơ thể gồm nhiều tế bào, cấu tạo phức tạp, chuyên hoá thành nhiều cơ quan, hệ cơ quan để thực hiện các chức năng sống. Phiếu học tập số 1 * Xác định các cơ thể đơn bào, đa bào bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu sau: <table><tr><th rowspan="2">Cơ thể</th><th rowspan="2">Số tế bào cấu tạo nên cơ thể</th><th colspan="2">Là cơ thể</th></tr><tr><th>Đơn bào</th><th>Đa bào</th></tr><tr><td>Vi khuẩn e.coli</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Cây bưởi</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Cơ thể	Số tế bào cấu tạo nên cơ thể	Là cơ thể		Đơn bào	Đa bào	Vi khuẩn e.coli				Cây bưởi			
Cơ thể	Số tế bào cấu tạo nên cơ thể			Là cơ thể											
		Đơn bào	Đa bào												
Vi khuẩn e.coli															
Cây bưởi															

Trùng roi			
Con ếch			

Kết luận: Cơ thể đa bào

- Cấu tạo từ nhiều tế bào.
- Có nhiều tế bào thực hiện các chức năng sống khác nhau.
- Ví dụ: Cây phượng, con mèo,...

Phiếu học tập số 2

Câu 1: Kể tên một số cơ thể sinh vật mà em không nhìn thấy được bằng mắt thường.

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Em hãy sắp xếp các đại diện sau vào 2 nhóm cơ thể đơn bào và cơ thể đa

bào: trùng roi, cây bắp cải, cây ổi, con rắn, trùng giày, con báo gấm, con ốc

sên, con cua đỏ, tảo lam, con ngựa vằn, vi khuẩn đường ruột, cây lúa nước, cây

dương xỉ.

.....

.....

.....

.....

Bài 20: CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC TRONG CƠ THỂ ĐA BÀO

I. TỪ TẾ BÀO ĐẾN MÔ

Mô là tập hợp một nhóm tế bào giống nhau về hình dạng và cùng thực hiện một chức năng nhất định

+ Mô thực vật: mô phân sinh, mô biểu bì, mô dẫn, mô cơ bản

+ Mô động vật: mô cơ, mô thần kinh, mô liên kết, mô biểu bì,....

II. TỪ MÔ ĐẾN CƠ QUAN

Cơ quan là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể

+ Cơ quan ở thực vật: rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.

+ Cơ quan ở động vật: dạ dày, ruột, gan, tim, phổi, mắt, mũi, miệng,...

III. TỪ CƠ QUAN ĐẾN CƠ THỂ

Hệ cơ quan là tập hợp một số cơ quan cùng hoạt động để thực hiện một chức năng nhất định.

+ Ở cơ thể thực vật, các hệ cơ quan được chia thành hệ chồi và hệ rễ.

+ Ở cơ thể động vật gồm một số hệ cơ quan như: hệ vận động (xương, cơ); hệ tuần hoàn (tim, mạch máu, máu); hệ hô hấp (mũi, hầu, thanh quản, khí quản, phế quản và phổi);...

Cơ thể là tập hợp các cơ quan và hệ cơ quan, hoạt động thống nhất, nhịp nhàng để thực hiện chức năng sống.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nhóm:.....

Các cơ quan	Hệ cơ quan	Chức năng của hệ cơ quan
Thực vật		
Con người		

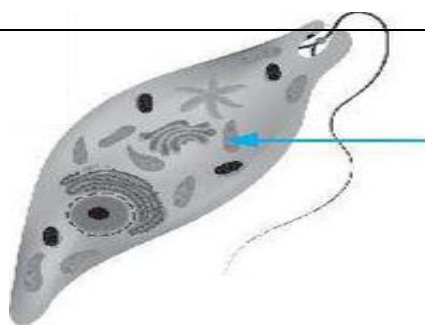
Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình

Trắc nghiệm

Câu 1: Quan sát hình ảnh trùng roi và trả lời các câu hỏi.

Thành phần cấu trúc X (có màu xanh) trong hình bên là gì?

tự học.	A. Lục lạp. B. Nhân tế bào. C. Không bào. D. Thức ăn. Chức năng của thành phần cấu trúc X là gì? A. Hô hấp. B. Chuyển động, C. Sinh sản. D. Quang hợp. Câu 2: Hãy chọn đáp án đúng. Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ A. hàng trăm tế bào. B. hàng nghìn tế bào. C. một tế bào. D. một số tế bào. ... cơ thể đơn bào có thể nhìn thấy được bằng mắt thường. A. Không có. B. Tất cả. C. Đa số. D. Một số ít. Cơ thể nào sau đây là đơn bào? A. Con chó. B. Trùng biến hình. C. Con ốc sên. D. Con cua. Câu 3: Vật sống nào sau đây không có cấu tạo cơ thể là đa bào? A. Hoa hồng. B. Hoa mai. C. Hoa hướng dương. D. Tảo lục. Câu 4. Đơn vị cấu tạo và chức năng cơ bản của mọi cơ thể sống là 1. Mô 2. Tế bào 3. Cơ quan 4. Hệ cơ quan. Câu 5. Trong cơ thể đa bào, tập hợp các tế bào giống nhau cùng thực hiện một chức năng nhất định được gọi là 1. Mô 2. Tế bào 3. Cơ quan 4. Hệ cơ quan. Câu 6. Khi em tập thể dục, những cơ quan và hệ cơ quan nào trong cơ thể cùng phối hợp hoạt động?
----------------	--



MÔN TIN HỌC KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN BÀI 2. TRUY CẬP THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	1. World Wide Web World Wide Web (gọi tắt là Web, viết tắt là WWW) là mạng lưới các website trên internet và được liên kết với nhau. 2. Trình duyệt Web Trình duyệt web là tên gọi chung của phần mềm để hiển thị thông tin dưới dạng các trang web trên WWW. Ví dụ: Google Chrome, Cốc cốc, Mozilla Firefox, Safari,.. - Truy cập web: + Mở trình duyệt web + Nhập địa chỉ trang web vào ô địa chỉ + Nhấn enter.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Bài 1. Theo em nội dung trên trang web có thay đổi theo thời gian không? Bài 2. Trong các câu sau, câu nào đúng? 1) WWW là mạng lưới các website trên Internet 2) Cần phải khởi động tất cả các trình duyệt mới truy cập được thông tin trên WWW 3) Chỉ cần khởi động trình duyệt web là lập tức truy cập được trang web tin tức.

MÔN TIN HỌC KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN BÀI 3. GIỚI THIỆU MÁY TÌM KIẾM
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	3. Tìm kiếm thông tin trên Internet - Nguồn thông tin phong phú đa dạng. - Tìm kiếm nhanh hơn nhiều so với việc tìm trong sách, thư viện... - Luôn tìm được thông tin chính xác nhất, phù hợp với yêu cầu tìm kiếm nhất. - Có thể tìm kiếm mọi lúc mọi nơi nếu có thiết bị tìm kiếm được kết nối Internet. - Có thể trao đổi thông tin tìm kiếm với nhiều người ở khắp nơi trên thế giới. - Tìm kiếm được các thông tin cập nhật mới nhất. 4. Máy tìm kiếm - “Máy tìm kiếm” không phải là một máy móc hữu hình mà để chỉ một hệ thống phần mềm giúp ta tìm kiếm thông tin trên mạng internet. - Một số máy tìm kiếm là: + Google: https://google.com (máy tìm kiếm phổ biến chiếm 92% thế giới) + Yahoo: https://yahoo.com + Cốc Cốc: https://coccoc.com/search 5. Tìm thông tin bằng máy tìm kiếm TỪ KHÓA tìm kiếm là một cụm từ ngắn gọn thể hiện nội dung cần tìm kiếm. Các bước tìm kiếm là: + B1: Mở trình duyệt web + B2: Nhập địa chỉ máy tìm kiếm + B3: Nhập từ khóa tìm kiếm + B4: Lựa chọn kết quả tìm kiếm - Chú ý: + Các trang web ở đầu danh sách kết quả thường chứa thông tin liên quan nhiều đến từ khóa + Máy tìm kiếm không phân biệt chữ hoa, chữ thường
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Câu 1: Sử dụng máy tìm kiếm giúp em thực hiện hiệu quả những công việc nào sau đây? (So với việc không sử dụng máy tìm kiếm). Hãy giải thích về lựa chọn của mình? a. Tìm thông tin về máy bay giá rẻ. b. Tìm thông tin về tuyển sinh lớp 6 của một trường THCS ở gần nơi em ở? c. Ôn tập môn Toán lớp 6 d. Tìm tuyến xe bus để đi từ nhà tới trường.

	Câu 2: Website nào sau đây có chức năng chính là tìm kiếm thông tin? a. https://vietnamnet.vn b. https://bing.com c. https://mns.com d. https://ngoisao.net Câu 3: Em có thể làm được những việc nào trong các việc sau đây? a. Nêu lợi ích của máy tìm kiếm trong việc tìm kiếm thông tin? b. Giới thiệu một vài máy tìm kiếm phổ biến c. Xác định từ khóa phù hợp với yêu cầu tìm kiếm d. Thực hiện tìm kiếm thông tin bằng máy tìm kiếm
--	---

MÔN VĂN KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Trên bài học/ Chủ đề -Khối lớp 6	TIẾT 45,46 Văn bản BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN
Hoạt động 1: Giao nhiệm vụ Đọc phần trải nghiệm cùng văn bản- Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên. Tìm hiểu về tác giả ,các đặc điểm về thể loại, phương thức biểu đạt.	I.TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả : Tô Hoài (1920-2014) - Quê: Hà Nội - Là nhà văn lớn của Việt Nam - Sáng tác nhiều thể loại - Lối viết thông minh, hóm hỉnh, tinh tế. - Có nhiều tác phẩm dành cho thiếu nhi. 2. Tác phẩm <i>a.Thể loại :</i> Truyện dài – truyện đồng thoại. <i>b. Ngôi kể:</i> Ngôi kể thứ nhất – Dế Mèn là người kể. <i>c.Bố cục:</i> Văn bản chia làm 2 phần + Phần 1: Từ đầu ... sắp đứng đầu thiên hạ rồi. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn. + Phần 2: phần còn lại. Bài học đường đời đầu tiên.
Hoạt động 2. NỘI DUNG BÀI HỌC. HS chia nhóm thảo luận tìm hiểu nội dung bài học bằng cách trả lời các câu hỏi trang 89. -HS đọc văn bản và tìm những chi tiết về ngoại hình ,tính cách của Dế Mèn.	II. TÌM HIỂU VĂN BẢN 1.Bức chân dung tự họa của Dế Mèn -Ngoại hình + Càng: mắt bóng + Vuốt: cứng, nhọn hoắt, đập phành phạch + Cánh: áo dài chấm đuôi + Đầu: to, nổi từng tảng + Răng: đen nhánh, nhai ngoàm ngoạp + râu: dài, uốn cong => Có vẻ đẹp cường tráng, trẻ trung, tự tin, yêu đời, chứa đầy sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ. - Tính cách:

- HS trả lời các câu hỏi. Dế Mèn gây sự với ai? ? Nguyên nhân Dế Mèn gây sự với chị Cốc? ? Trêu chị Cốc xong, Dế Mèn có hành động như thế nào? ? Hậu quả của hành động ấy? ? Thái độ Dế Mèn sau khi hậu quả xảy ra như thế nào? ? Bài học rút ra được là gì?	Đi đứng oai vệ, làm điệu, nhún chân, rung râu; tợn lắm, khà khịa với tất cả mọi người trong xóm; quát mấy chị cào cao, đá ghẹo anh Gọng Vó; => Kiêu căng, tự phụ về vẻ đẹp và sức mạnh của mình, xem thường mọi người, hung hăng, xốc nổi. 2. Bài học đường đời đầu tiên - <u>Dế Mèn đối với Dế Choắt</u>: Coi thường Dế Choắt yếu ớt, xấu xí, lười nhác, đáng khinh. Từ chối lời đề nghị giúp đỡ của Dế Choắt. => Dế Mèn là kẻ trịnh thượng, ích kỉ, coi thường và bắt nạt bạn. - <u>Dế Mèn trêu chị Cốc</u> + Muốn ra oai với Dế Choắt + Muốn chứng tỏ mình đứng đầu thiên hạ. + Trêu xong chui vào hang. + Khi chị Cốc mỗ Choắt: Dế Mèn nằm im thín thít. + Chị Cốc đi: DM mon men bò lên => Dế Mèn là kẻ nghịch ranh, huênh hoang nhưng hèn nhát. - Hậu quả - Dế Choắt bị chị Cốc mỗ chết thảm thương. Ăn năn, hối lỗi, thức tỉnh lương tâm. * Bài học được rút ra - Bài học về thói kiêu căng: Kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời. - Bài học về tình thân ái: Nên sống đoàn kết, thân ái với mọi người. III – TỔNG KẾT
---	--

	 Nội dung ▪ Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính tình còn kiêu căng, xốc nổi. ▪ Dế Mèn trêu chọc chị Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên Nghệ thuật ▪ Miêu tả sinh động, trí tưởng tượng độc đáo. ▪ Ngôn ngữ miêu tả chính xác, giàu chất tạo hình. ▪ Kể bằng ngôi thứ nhất, tự nhiên, hấp dẫn.  Ý nghĩa văn bản ▪ Cần biết nhận lỗi và sửa lỗi. ▪ Kiêu căng, xốc nổi có thể làm hại người khác và chính bản thân mình. ▪ Nên sống đoàn kết, thân ái với mọi người.
Hoạt động 3. Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học; GV hướng dẫn học sinh làm bài .HS hoàn tất bài tập.	Viết đoạn văn 4 đến 6 câu nêu suy nghĩ của em về nhân vật Dế Mèn.

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ Chủ đề Khối lớp 6	TIẾT 47,48 Văn bản GIỌT SƯƠNG ĐIÊM
Hoạt động 1. GIAO NHIỆM VỤ Đọc văn bản, chú thích SGK trang 90,91,92. Xác định tác giả ,xuất xứ, phương thức biểu đạt, bố cục của văn bản.	I.TÌM HIỂU CHUNG 1.Tác giả Trần Đức Tiến. sinh 1953 - Quê: làng Cao Đà, xã Nhân Mỹ , huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam - Trần Đức Tiến viết nhiều tác phẩm cho thiếu nhi, trong đó có truyện đồng thoại như: Dế mùa thu, làm mèo, Xóm bờ giậu.... - Truyện của ông mang nét tinh tế hồn nhiên 2.Tác phẩm a.Xuất xứ : - Văn bản là truyện đồng thoại, rút ra từ tập “ Xóm bờ giậu b.Thể loại : Truyện đồng thoại c.PTBD : Miêu tả d.Ngôi kể : Ngôi thứ ba e.Bố cục Bố cục: 3 phần

	+ Phần 1: từ đầu... sang nhà bác Cóc: Cuộc trò chuyện giữ Bọ Dừa và Thần Lăn. + Phần 2: Tiếp... Thần Lăn gật gù: Cuộc trò chuyện giữa Thần Lăn và bác Cóc. + Phần 3: Còn lại: Sự tác động của giọt sương đêm đến quyết định của Bọ Dừa. - Tóm tắt: Trên đường đi buôn, Bọ Dừa ghé qua xóm Bờ Dậu để xin nghỉ lại một đêm. Bọ Dừa gặp Thần Lăn hỏi thăm Thần Lăn chỗ ở và ở lại dưới vòm lá trúc. Thần Lăn đến nhà bác Cóc –trưởng thôn - để báo có khách lạ đến xóm là một nhà buôn Cánh Cứng. Qua việc miêu tả của Thần Lăn, bác Cóc đã biết đó là Bọ dừa. Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thần Lăn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô, hành lý lên vai, chào tạm biệt Thần Lăn để về quê. Thần Lăn sang nhà cụ giáo Cóc kể cho cụ nghe về việc mất ngủ của Bọ Dừa.
Hoạt động 2. NỘI DUNG BÀI HỌC. - GV Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài qua các câu hỏi trong SGK trang 90,91,92 - Học sinh thảo luận nhóm, trao đổi đưa ra nhận định đánh giá về nội dung của bài. - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và dặn dò học	II. TÌM HIỂU VĂN BẢN 1. Cuộc sống của Bọ Rùa. - Cuộc sống bận rộn với công việc. - Buôn bán xa nhà xa quê hương. - Do mãi công việc Bọ Rùa quên mất dành thời gian về thăm nhà, quê hương 2. Trải nghiệm của Bọ Rùa - Khung cảnh xung quanh và đặc biệt giọt sương đêm lạnh toát khiến Bọ Dừa trần trọc nhớ về quê hương - Chợt nhận ra bấy lâu nay mình quá mãi mê làm việc mà quên mất nên về thăm quê. 3. Thông điệp - Đôi khi vì cuộc sống bận rộn khiến chúng ta quên đi những điều thân thuộc, gần gũi với chính mình. Vì vậy hãy biết trân trọng những giá trị của cuộc sống. - Chúng ta cần có trách nhiệm với quê hương, nơi chúng ta đã sinh ra và lớn lên. III – TỔNG KẾT 1. Nội dung. - Nỗi nhớ quê trong lòng những người con xa xứ. - Tình yêu quê hương trong tâm hồn mỗi con người. - Trân trọng những giá trị trong cuộc sống, dù là những điều nhỏ nhất. 2. Nghệ thuật. - Ngôi kể: ngôi thứ 3:

sinh.	- Nghệ thuật liệt kê, so sánh, nhân hóa. - Đặc trưng của truyện đồng thoại là thể hiện đặc điểm sinh hoạt của các loài vật.
<u>Hoạt động 3. Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</u> GV hướng dẫn học sinh làm bài Học sinh hoàn tất bài tập. Qua bài thơ, tác giả đã thể hiện tình cảm gì?	Hãy kể một trải nghiệm đáng nhớ của em.
*MỤC DẶN DÒ: - Các em ghi chép kiến thức trọng tâm vào vở học trên lớp. - Chuẩn bị bài tuần 13 Tiết 1 Đọc kết nối chủ điểm : Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ Tiết 2,3 Đọc: Thực hành Tiếng Việt Tiết 4 Đọc mở rộng theo thể loại : Cô Gió mất tên	

MÔN VĂN KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Trên bài học/ Chủ đề -Khối lớp 6	TIẾT 49 Đọc kết nối chủ điểm VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ
Hoạt động 1: Giao nhiệm vụ Đọc phần trải nghiệm cùng văn bản- Đoạn trích Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ. -Tìm hiểu về tác giả, các đặc điểm về thể loại, phương thức biểu đạt.	I.TÌM HIỂU CHUNG 1.Tác giả: Nguyễn Ngọc Thuần (1972). - Nội dung các tác phẩm của ông là thế giới tươi sáng, mơ hồ mà quyến rũ của tuổi thơ. 2. Tác phẩm a.Thể loại : Truyện ngắn b..Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm. c.Bố cục + Phần 1: Từ đầu... cháu có con mắt thần: Bố dạy nhân vật tôi cách nhắm mắt đoán hoa trong vườn. + Phần 2: Phần còn lại: Bố dạy nhân vật tôi cách đón nhận tình cảm, trân trọng thế giới xung quanh.
Hoạt động 2. NỘI DUNG BÀI HỌC. HS tìm hiểu nội dung bài học bằng cách trả lời các câu hỏi trang 95,96	II – TÌM HIỂU CHI TIẾT - Học sinh trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản trang 95,96

	III – TỔNG KẾT 1. Nghệ thuật - Ngôi kể thứ nhất. - Kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm. - Ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, gần gũi, giàu cảm xúc. 2. Ý nghĩa văn bản: - Cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình. - Hãy cảm nhận thế giới xung quanh ta bằng cả tâm hồn và tình yêu thương, ta sẽ phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.
Hoạt động 3. Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học; GV hướng dẫn học sinh làm bài . HS hoàn tất bài tập.	<i>Viết đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể lại ngắn gọn một trải nghiệm bản thân mà em nhớ nhất.</i>

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ Chủ đề Khối lớp 6	TIẾT 50 ,51 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ
Hoạt động 1. GIAO NHIỆM VỤ - Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung kiến thức.	I.NHẬN BIẾT KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Cụm từ a. Ví dụ Vd1: Chim sẻ/ đang hót C V Vd2: Những chú chim sẻ/ đang hót líu lo. C V -> Chủ ngữ, vị ngữ trong câu có thể là từ (chim sẻ, hót) hoặc cụm từ (Những chú chim sẻ, hót líu lo) b. Kết luận => Trong câu tiếng Việt, thành phần chính gồm có chủ ngữ (C) và vị ngữ (V). Chủ ngữ và vị ngữ của câu có thể chỉ là một từ, nhưng cũng có thể là một cụm từ. - Cụm từ do 2 từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu trọn vẹn về nghĩa 2. Các loại cụm từ a. Xét ví dụ b. Kết luận - Cụm từ đóng vai trò chủ ngữ và vị ngữ trong câu

	thường có những loại như: - Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ có danh từ, động từ, tính từ làm thành phần chính. 3. Cách mở rộng thành phần của câu bằng cụm từ - Biến Chủ ngữ, vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm từ => cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ. - Hoặc biến chủ ngữ, vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn - Có thể mở rộng cả chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu. =>Tác dụng: Làm câu văn trở nên chi tiết, rõ ràng hơn
Hoạt động 2. Luyện tập . - GV Hướng dẫn học sinh làm bài tập .	II. LUYỆN TẬP Bài tập 1 - Câu a chủ ngữ là “Vuốt” không thể hiện rõ được ở vị trí nào mà chỉ nêu chung chung. - Còn câu b “Những cái vuốt ở chân, ở kheo” cho ta thấy vị trí rõ ràng hơn. -> Như vậy việc dùng cụm danh từ là chủ ngữ của câu giúp chúng ta nắm bắt được thông tin chi tiết, rõ ràng hơn. Bài tập 4. Xác định chủ ngữ và vị ngữ - Khách/ giật mình - Lá cây/ xào xạc. - Trời /rét. Mở rộng thành phần câu: - Vị khách đó/ giật mình. - Những chiếc lá cây bàng/ rơi xào xạc - Trời/ rét buốt. -> Những câu mở rộng thành phần câu giúp thể hiện chi tiết, rõ ràng hơn so với các câu chưa mở rộng. Bài tập 5 - Các từ láy: phanh phách, hủn hoãn, phành phạch, giòn giã, rung rinh. -> Các từ láy góp phần diễn tả rõ ràng, chi tiết hơn vẻ đẹp cường tráng, khoẻ mạnh của chú Dế Mèn. - Những câu văn sử dụng phép so sánh: Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. -> Miêu tả những chiếc vuốt của Dế Mèn rất sắc nhọn, diễn tả sức mạnh của Dế Mèn. Bài tập 6: - Nghĩa của từ tợn: Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì, lộ rõ vẻ thách thức. Chỉ sự khác thường ở một mức độ cao (rất

	ton) b. Từ “ton” trong đoạn văn trên được sử dụng với nghĩa hiểu: Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì, lộ rõ vẻ thách thức. Cơ sở để xác định là dựa vào nội dung những câu văn sau đó. - Học sinh tự làm bài 2, 3
Hoạt động 3. Kiểm tra, đánh giá GV hướng dẫn học sinh làm bài	<i>Văn bản “ Bài học đường đời đầu tiên” kết thúc với hình ảnh “ Tôi đứng lặng hội lâu nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”.Hãy đóng vai Đế Mèn và viết về bài học đó bằng một đoạn văn (150 đến 200 chữ) trong đó sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.</i>

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: Giao nhiệm vụ Đọc phần trải nghiệm cùng văn bản- Đoạn trích Cô Gió mất tên Hoạt động 2. NỘI DUNG BÀI HỌC. HS tìm hiểu nội dung bài học bằng cách trả lời các câu hỏi trong SGK trang 101,102.	Tiết 53 ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI CÔ GIÓ MẤT TÊN 1. Những đặc điểm của thể loại đồng thoại được thể hiện trong văn bản Cô gió mất tên. - Các đặc điểm của truyện đồng thoại: + Nhân vật là các loài vật, đồ vật đã được nhân hoá: trong văn bản này các nhân vật là cô Gió, hoa tầm xuân, chị Hũ, bạn ngô, bác lau sậy, chú Ong vàng có lời nói, cử chỉ như con người. + Thể hiện đặc điểm sinh hoạt của sự vật như các chi tiết: cô Gió vừa vội vã bay đi, cô dừng lại một vài giây rồi từ từ thổi hơi mát vào giường bà... Qua những đặc điểm đó cũng thể hiện đặc điểm tính cách của con người đó là sự quan tâm, chăm sóc dành cho mọi người. 2. Thông điệp - Dù Gió không có dáng hình, chẳng ai nhìn thấy nhưng mọi người vẫn nhận ra cô vì cô luôn giúp đỡ người khác, mang lại niềm vui và tiếng cười cho mọi người. Chúng ta cũng như vậy, những việc làm tốt có thể không ai nhìn thấy nhưng chỉ cần chúng ta luôn biết quan tâm, giúp đỡ, mang lại niềm vui và tiếng cười cho người khác thì mọi người sẽ yêu thương và quý trọng bạn.

***MỤC DẶN DÒ:**

- Các em ghi chép kiến thức trọng tâm vào vở học trên lớp.

- Chuẩn bị bài tuần 14
 Tiết 1,2 Viết: Kể lại một trải nghiệm của bản thân
 Tiết 3,4 Nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm bản thân

MÔN SỬ KHỐI 6 TUẦN 12

PHẦN LỊCH SỬ:

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	BÀI 11: LA MÃ CỔ ĐẠI (2 TIẾT)
Hoạt động 1: Học sinh đọc sách giáo khoa (hoặc xem SGK trực tuyến), trả lời các câu hỏi in nghiêng.	I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - Vị trí: La Mã cổ đại nằm trên bán đảo I-ta-li-a. Có vùng đồng bằng màu mỡ ở thung lũng sông Pô và sông Ti-bơ, đảo Xi-xin. + Bán đảo I-ta-li-a có hàng nghìn km đường bờ biển, nằm ở vị trí trung tâm Địa Trung Hải. + Trong lòng đất chứa nhiều đồng, chì, sắt. ➤ Thuận lợi cho việc trồng trọt, chăn nuôi, phát triển nghề thủ công và buôn bán. II. TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC LA MÃ CỔ ĐẠI. - Vào đầu thế kỉ II, lãnh thổ của đế chế La Mã bao gồm toàn bộ vùng đất xung quanh Địa Trung Hải, vùng ven bờ Đại Tây Dương và quần đảo Anh. - La Mã thiết lập hình thức nhà nước cộng hoà không có vua, cai trị dựa trên luật pháp và mọi chức vụ phải được bầu ra. - Quyền lực nằm trong tay 300 thành viên của Viện Nguyên lão, thuộc các gia đình giàu có nhất của giới chủ nô La Mã. - Nhà nước La Mã thời kì đế chế: vẫn duy trì như thời cộng hoà nhưng hoàng đế nắm tất cả quyền lực. Viện Nguyên lão chỉ còn là hình thức, không còn quyền hành trong thời kì đế chế. III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA TIÊU BIỂU. - Chữ viết: Hệ chữ cái La-tinh gồm 26 chữ cái, là nền tảng cho 200 ngôn ngữ và chữ viết hiện nay, - Chữ số: dùng chữ số La Mã I, II, III.... - Kiến trúc nghệ thuật: người La Mã xây dựng được những công trình kiến trúc đồ sộ, nguy nga: Đấu trường Cô-li-dê, đền Pan-tê-ông, Quảng trường La Mã...
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Em hãy chỉ ra điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại? - Một số thành tựu văn hóa của La Mã cổ đại vẫn được ứng dụng trong thời kì hiện đại?

PHẦN ĐỊA LÍ:

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	BÀI 6: CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ (TIẾT 2)
Hoạt động 1: Học sinh đọc sách giáo khoa (hoặc xem SGK trực tuyến), trả lời các câu hỏi in nghiêng.	II. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái đất 2/ Giờ trên Trái Đất - Giờ địa phương (giờ Mặt trời): Các địa điểm nằm trên cùng một kinh tuyến có cùng một giờ. - Giờ khu vực: Để tiện cho việc tính giờ và giao dịch quốc tế, người ta quy định giờ thống nhất cho từng khu vực. - Bề mặt Trái đất được chia ra làm 24 khu vực giờ khác nhau. Mỗi khu vực giờ là một múi giờ, tương ứng với 15° kinh tuyến.

	- Giờ GMT: giờ được tính theo múi giờ gốc làm giờ giao dịch chung trên thế giới. - Múi giờ nước ta là GMT+7, sớm hơn so với giờ GMT. 3/ Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể tự di chuyển trên bề mặt Trái Đất - Trái Đất tự quay đã sinh ra một lực làm cho các vật đang chuyển động trên Trái Đất đều bị lệch so với hướng ban đầu. Lực làm lệch hướng này được gọi là lực Cô-ri-ô-lit. + Ở bán cầu Bắc: vật thể chuyển động bị lệch về bên phải so với hướng chuyển động ban đầu. + Ở bán cầu Nam: vật thể chuyển động bị lệch về bên trái so với hướng chuyển động ban đầu.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 13

(Từ 29/11 đến 4/12)

PHẦN ĐỊA LÍ:

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	CHƯƠNG 4: ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X BÀI 12: CÁC VƯƠNG QUỐC ĐÔNG NAM Á TRƯỚC THẾ KỈ X (2 TIẾT)
Hoạt động 1: Học sinh đọc sách giáo khoa (hoặc xem SGK trực tuyến), đọc lại các nội dung bài đã học.	I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ CỦA ĐÔNG NAM Á - Đông Nam Á nằm ở phía đông nam châu Á, có vị trí địa lý quan trọng. - Khí hậu: nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều. - Thuận lợi: + Phát triển nông nghiệp, đặc biệt là cây lúa nước. + Phát triển nhiều loại cây quý hiếm khác như: trầm hương, đinh hương, đậu khấu, sa nhân,... II. SỰ XUẤT HIỆN CÁC VƯƠNG QUỐC CỔ TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ VII. - Vị trí các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII: xuất hiện ở cả lục địa và hải đảo. - Các vương quốc đầu tiên của khu vực như: Phù Nam, Chăm-pa, Chân Lạp, Thaton, Pegu... III. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN THẾ KỈ X. - Thế kỷ VII, nhiều quốc gia mới xuất hiện: + Lưu vực sông Mê Nam: Vương quốc Đà-ra-va-ti và Ha-ri-pun-giay-a. + Lưu vực sông I-ra-oa-đi: Vương quốc Pa-gan. + Thế kỉ X, nhà nước Đại Cồ Việt. + Trên đảo Xu-ma-tra: Vương quốc Sri Vi-giay-a. + Cuối thế kỉ VIII trên đảo Gia-va: Vương quốc Ka-lin-ga.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Kể tên 11 nước trong khu vực Đông Nam Á? - Trình bày vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á? Vị trí địa lí đó có thuận lợi và khó khăn gì cho các nước Đông Nam Á? - Kể tên các vương quốc cổ ở Đông Nam Á?

PHẦN ĐỊA LÍ:

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	BÀI 7: CHUYỂN ĐỘNG QUAY QUANH MẶT TRỜI

	CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ (Tiết 1)
Hoạt động 1: Học sinh đọc sách giáo khoa (hoặc xem SGK trực tuyến), đọc lại các nội dung bài đã học.	I. Chuyển động quanh Mặt trời của Trái đất - Trái đất chuyển động xung quanh Mặt trời theo hướng ngược chiều kim đồng hồ (từ tây sang đông). - Hình dạng quỹ đạo chuyển động quanh Mặt trời của Trái đất là hình elip. - Thời gian Trái đất quay một vòng quanh Mặt trời là 365 ngày 6 giờ (1 năm). - Độ nghiêng của trục Trái đất vào các ngày 21-3, 22-6, 23-9, 22-12 khi tự quay quanh trục và quay quanh Mặt trời: không đổi, nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc $66^{\circ}33'$.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Mô tả chuyển động tự quay quanh Mặt Trời của Trái Đất.

MÔN ANH KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	UNIT 4- LESSON 1
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	A. TỪ VỰNG: 1. Never: không bao giờ 2. Rarely: hiếm khi 3. Sometimes: thỉnh thoảng 4. Often: thường hay 5. Usually: thường xuyên 6. Always: luôn luôn B. NGỮ PHÁP: ADVERBS OF FREQUENCY (TRẠNG TỪ CHỈ SỰ NĂNG DIỄN): * CÁCH DÙNG: - Đứng sau động từ tobe VD: I am never late for school. - Đứng trước động từ thường VD: I never go to school late. - Đứng giữa trợ động từ và động từ chính VD: I don't often go to school late.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	C. Bài tập ứng dụng 1. Complete the sentences. 1. Andrea lives next door so we _____ see her. A. never B. often C. rarely 2. Nancy and I [30%] _____ go out for coffee together. A. never B. frequently C. occasionally 3. We meet _____ at the Annual General Meeting. A. never B. every day C. yearly 4. My doctor _____. A. yearly checks my health B. checks yearly my health C. checks my health yearly 5. It [0%] _____ rains here in the summer. A. never B. sometimes C. rarely 6. _____ we take the dog off his leash at the beach. A. Sometimes B. Never C. Rarely

	7. My sister _____ two days of school in a row. A. often doesn't miss B. doesn't miss often C. doesn't often miss 8. My boyfriend and I take vacations together quite _____. A. never B. hardly C. frequently 9. Andy [10%] _____ gets to visit with his cousins. A. very frequently B. very rarely C. very often 10. I don't earn much because I _____. A. never go to college B. go never to college C. go to college never 2. Complete the sentences. 1. Our teacher, Mrs Jones, (never / be) _____ late for lessons. 2. I (often / clean) _____ my bedroom at the weekend. 3. My brother (hardly ever / help) _____ me with my homework. 4. I (sometimes / be) _____ bored in the maths lessons. 5. We (rarely / watch) _____ football on TV. 6. You and Tony (never / play) _____ computer games with me. 7. You (usually / be) _____ at the sports centre on Sunday. 8. The school bus (always / arrive) _____ at half past eight.
--	---

MÔN ANH KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	UNIT 4- LESSON 2
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	A. TỪ VỰNG 1. Perform: biểu diễn ➔ Performance: buổi biểu diễn 2. Stand: đứng ➔ Food stand: quán ăn 3. Show: buổi trình diễn ➔ Fashion show: trình diễn thời trang ➔ Puppet show: xiếc rối ➔ Talent show: cuộc thi tài năng 4. War: chiến tranh ➔ Tug of war: kéo co B. NGŨ PHÁP: Review: Simple Present Tense Dạng câu Động từ to be Động từ thường Khẳng định S+ am/ is/ are S+ Vnm / Vs-es Phủ định S+ am/ is/ are + not S+ don't/ doesn't + Vnm Nghi vấn Am/ Is/ Are+ S...? Do/ Does+ S + Vnm...? - Diễn tả 1 thói quen ở hiện tại. VD: She usually goes shopping by car. - Diễn tả lịch trình (chắc chắn xảy ra) ở tương lai. VD: The festival starts at 6 a.m.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	C. BÀI TẬP Bài 1. Chọn đáp án đúng 1. I _____ at a bank. A. work B. works C. working 2. She _____ with her parents. A. live B. lives C. living 3. Cows _____ on grass. A. feed B. feeds C. feeding 4. He _____ a handsome salary. A. earn B. earns C. earning

	5. Janet _____ to be a singer. A. want B. wants C. wanting 6. Emily _____ delicious cookies. A. make B. makes C. making Bài 2: Bài tập Chia Thì hiện tại đơn. 1. I (be) _____ at school at the weekend. 2. She (not study) _____ on Friday. 3. My students (be not) _____ hard working. 4. He (have) _____ a new haircut today. 5. I usually (have) _____ breakfast at 7.00. 6. She (live) _____ in a house? 7. Where (be) _____ your children? 8. My sister (work) _____ in a bank. 9. Dog (like) _____ meat. 10. She (live) _____ in Florida. 11. It (rain) _____ almost every day in Manchester. 12. We (fly) _____ to Spain every summer. 13. My mother (fry) _____ eggs for breakfast every morning. 14. The bank (close) _____ at four o'clock. 15. John (try) _____ hard in class, but I (not think) _____ he'll pass. 16. Jo is so smart that she (pass) _____ every exam without even trying. 17. My life (be) _____ so boring. I just (watch) _____ TV every night. 18. My best friend (write) _____ to me every week. 19. You (speak) _____ English? 20. She (not live) _____ in HaiPhong city.
--	---

GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 4: TÔN TRỌNG SỰ THẬT (3 tiết)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	A- Khởi động B- Khám phá 1. Tôn trọng sự thật và biểu hiện của tôn trọng sự thật *Khái niệm: Sự thật và Tôn trọng sự thật - Sự thật là những gì có thật trong cuộc sống hiện thực và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống. - Tôn trọng sự thật là suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật, bảo vệ sự thật. *Biểu hiện của tôn trọng sự thật: - Tôn trọng sự thật biểu hiện thông qua suy nghĩ, hành động (việc làm), lời nói, thái độ. - Một số biểu hiện của tôn trọng sự thật thường gặp: + Sống ngay thẳng, thật thà + Dám nhận lỗi khi làm sai + Dũng cảm nói lên sự thật

	+ Không che giấu, bao che cho các hành động sai trái + Chấp nhận mọi hậu quả khi sự thật được sáng tỏ + Đấu tranh để bảo vệ sự thật + Có ý thức bảo vệ, gìn giữ sự thật + Lên án, bài trừ những sự việc sai trái 2: Sự cần thiết của tôn trọng sự thật. (Ý nghĩa của tôn trọng sự thật) + Tôn trọng sự thật là đức tính cần thiết, quý báu + Vì: - Giúp con người nâng cao phẩm giá bản thân, góp phần tạo ra các mối quan hệ xã hội tốt đẹp, được mọi người tin yêu, quý trọng. - Góp phần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ giá trị đúng đắn, tránh nhầm lẫn, oan sai; - Làm cho tâm hồn thanh thản bình an, sức khỏe tốt hơn; - Làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn, xã hội yên bình, văn minh hơn. Một số câu ca dao nói về tôn trọng sự thật: - Làm người phải đăn phải đo Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu. - Thuốc đắng dã tật sự thật mất lòng - Giấy không gói được lửa - Cây kim trong bọc lâu ngày cũng lòi ra.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Xem trước bài 5 - Tìm câu ca dao, tục ngữ nói về đức tính thật thà

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 4: TỰ LẬP (3 tiết)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Khám phá 1. Thế nào là tự lập *Câu chuyện: Tự lập từ lòng yêu thương gia đình *Nhận xét * Kết luận: Tự lập là tự làm, tự giải quyết công việc của mình không dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác 2. Biểu hiện của tính tự lập: - Là sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn thử thách. - Có ý chí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống.

	- Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người khác 3. Ý nghĩa của tính tự lập -Giúp chúng ta tự tin, có bản lĩnh cá nhân. -Giúp chúng ta thành công trong cuộc sống. -Xứng đáng được người khác kính trọng. 4. Cách rèn luyện: - Chúng ta cần chủ động làm việc. - Tự tin và quyết tâm khi thực hiện hành động. - Học sinh rèn luyện tính tự lập trong học tập, công việc và sinh hoạt hằng ngày.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	II. Luyện tập Tình huống 1: Nhà An ở gần trường nhưng bạn ấy hay đi học muộn. Khi lớp trưởng hỏi lí do, An luôn nói: “ Tại bố mẹ không gọi mình dậy” Tình huống 2: Độc đề bài toán, có chỗ không hiểu. Hùng rủ Tâm đến nhờ cô giáo hướng dẫn. Tâm khuyên Hùng không nên làm như vậy. Tình huống 3: Khi được cô giáo phân nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập, Đạt nghĩ rằng làm việc nhóm sẽ dẫn tới sự ỷ lại, dựa dẫm vào người khác nên không tích cực tham gia.

MÔN CÔNG NGHỆ KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH(T1)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu Sgk, và quan sát các hình ảnh	1. Bảo quản thực phẩm 1.1 Vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm - Việc bảo quản giúp làm chậm quá trình hư hỏng của thực phẩm, tránh cho thực phẩm bị hao hụt chất dinh dưỡng. Việc bảo quản thực phẩm tạo sự thuận tiện cho con người trong việc chế biến và sử dụng. 1.2 Phương pháp bảo quản thực phẩm - Thực phẩm có thể bảo quản bằng nhiều phương pháp như: Phơi, sấy khô, ướp đá, ướp muối, hút chân không, muối chua, ngâm giấm, ngâm đường, bảo quản trong tủ lạnh... Tùy từng loại thực phẩm và điều kiện bảo quản, người sử dụng có thể lựa chọn phương pháp bảo quản cho phù hợp.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1/ Em hãy nêu vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm? 2/ Em hãy nêu các phương pháp bảo quản thực phẩm?

MÔN CÔNG NGHỆ KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH(T2)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu Sgk, và quan sát các hình ảnh	2 Chế biến thực phẩm 2.1 Vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm - Việc chế biến thực phẩm giúp thực phẩm trở nên chín mềm, dễ tiêu hóa, đảm bảo vệ sinh và an toàn sử dụng, giúp gia tăng tính đa dạng của món ăn và làm phong phú bữa ăn cho con người.

Hoạt động 2: Bài đọc nhạc 3 (HS ghi vào vở)	Bài đọc nhạc số 3 <i>Moderato (vừa phải)</i> 
Hoạt động 3: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học	- Nhận xét bài đọc nhạc 3 - Bài đọc nhạc 3 được viết ở nhịp mấy? - Cao độ gồm những nốt nào? - Trường độ gồm những nốt nào? - Bài đọc nhạc gồm mấy câu?
Hoạt động 4: Thực hành	- Hs đọc nốt nhạc bài đọc nhạc 3 - Hs xướng âm + đánh nhịp bài đọc nhạc

MÔN ÂM NHẠC KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	TIẾT 13: + Ôn tập Nhạc cụ giai điệu: Bài thực hành số 2 nhạc cụ sáo Recorder hoặc kèn phím + Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Antonio Vivaldi + Nghe nhạc: Nghe trích đoạn tác phẩm Concerto số 3 Mùa thu
Hoạt động 1: + Ôn tập Nhạc cụ giai điệu: Bài thực hành số 2 nhạc cụ sáo Recorder hoặc kèn phím	- HS luyện câu 1 của Bài thực hành số 2 cho thuần thục. + Lưu ý: vị trí bấm lỗ của note Son, La, Si II. Sáo recorder: Luyện tập thổi nốt Son cùng hai nốt Si, La 1. Cách bấm nốt Son  Nốt Son: Bấm lỗ 0, lỗ 1, lỗ 2 và lỗ 3 2. Luyện tập a)  b)  III. Kèn phím: Luyện tập củng cố các nốt Đô, Rê, Mi, Pha, Son 1. Thực hiện lại Bài thực hành số 1 2. Luyện tập Bài thực hành số 2 MARY CÓ MỘT CON CỪU NHỎ <i>(Mary had a little lamb)</i> <i>Moderato (vừa phải)</i>  <i>Nhạc Hoa Kỳ</i>

Hoạt động 2: * Lưu ý: HS chép bài vào vở, sau đó chụp hình gửi lên Team (phần Bài tập) để GV kiểm tra	 Học sinh ghi vào vở : Nhạc sĩ Antonio Vivaldi (1678 - 1741) THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC NGHE NHẠC 1. Tìm hiểu về nhạc sĩ Antonio Vivaldi Nhạc sĩ ANTONIO VIVALDI (1678 – 1741)  Antonio Vivaldi là nhà soạn nhạc người Ý, nghệ sĩ vĩ cầm xuất sắc ở thế kỉ XVII – nửa đầu XVIII. Sáng tác của ông có sức ảnh hưởng rộng khắp châu Âu. Ông sáng tác nhiều thể loại cho đàn violon, cho các nhạc cụ khác và nhiều bản hợp xướng nhà thờ. Đặc biệt nổi bật trong sự nghiệp của Vivaldi là hơn 500 concerto, trong đó có hơn 300 bản viết cho nhạc cụ dây, nhiều bản thể hiện những kĩ thuật điêu luyện của nghệ thuật diễn tấu đàn violon. Vivaldi còn là thầy giáo, có công trong lĩnh vực giảng dạy violon của nước Ý, ông sáng tác nhiều bản violon dành cho sinh viên luyện tập, phát triển kĩ thuật. Âm nhạc của ông trong sáng, tinh tế, giàu cảm xúc, tràn đầy tình yêu cuộc sống. Nhiều tác phẩm viết về chủ đề thiên nhiên như: <i>Bão tố trên biển cả (The Sea Storm)</i>, <i>Đêm (The Night)</i>, <i>Thôn dã (Pastorale)</i>,... Tổ khúc concerto Bốn mùa (<i>Four Seasons</i>) cho violon và dàn nhạc dây là một tác phẩm xuất sắc của ông.
---	--

MÔN MỸ THUẬT KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT TIỀN SỬ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM. Bài: Thời trang với hình vẽ thời tiền sử (Tiết 2)
Hoạt động 1: TÌM HIỂU BÀI	1. Khám phá cách tạo hình thời trang đơn giản. - Nhận biết được quy trình thiết kế tạo dáng và trang trí một sản phẩm thời trang phục vụ đời sống. 2. Cách trang trí sản phẩm thời trang. - Các bước trang trí sản phẩm thời trang : + Xác định vị trí và tỉ lệ hình cắt trang trí trên sản phẩm thời trang.

	+ Cắt mảnh giấy có kích thước phù hợp với hình trang trí + Vẽ, cắt và dán hình trang trí vào vị trí đã chọn + Trang trí thêm để hoàn thiện sản phẩm thời trang. 3. Trang trí sản phẩm thời trang bằng hình vẽ thời Tiền sử. - Có thể dùng mô phỏng đã thực hiện ở bài trước làm họa tiết trang trí sản phẩm thời trang. 4. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ. - HS giới thiệu, phân tích, chia sẻ cảm nhận của cá nhân về: + Sản phẩm thời trang yêu thích. + Sự độc đáo của sản phẩm thời trang. + Màu sắc, tỉ lệ hình mô phỏng trên sản phẩm 5. Tìm hiểu nghệ thuật trang trí trên sản phẩm thời trang. - Hình trang trí góp phần làm tăng vẻ đẹp trên sản phẩm thời trang.
Hoạt động 2: THỰC HÀNH BÀI VẼ Lưu ý: Học sinh có thể sử dụng giấy vẽ hoặc giấy tập	BÀI TẬP: - Em hãy sử dụng hình vẽ thời tiền sử trang trí lên một đồ vật mà em thích. 

MÔN MỸ THUẬT KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT TIỀN SỬ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM. Bài: Túi Giấy Đựng Quà Tặng (Tiết 1)
Hoạt động 1: TÌM HIỂU BÀI	2. Khám phá cách tạo hình thời trang đơn giản. - Nhận biết được quy trình thiết kế tạo dáng và trang trí một sản phẩm túi giấy phục vụ đời sống. 2. Cách thiết kế tạo dáng túi đựng bằng giấy. - Các bước thiết kế, tạo dáng túi đựng bằng giấy : + Xây dựng ý tưởng + Phác thảo, xác định kiểu dáng, kích thước túi + Triển khai bản vẽ kỹ thuật (đơn vị đo :mm) + Cắt, gấp, dán và hoàn thiện sản phẩm. 3. Thiết kế tạo dáng và trang trí túi giấy với hình vẽ thời Tiền sử. - Có thể dùng mô phỏng đã thực hiện ở bài trước làm họa tiết trang trí sản phẩm thời trang. 4. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ. - HS giới thiệu, phân tích, chia sẻ cảm nhận của cá nhân về: + Sản phẩm thời trang yêu thích. + Sự độc đáo của sản phẩm thời trang. + Màu sắc, tỉ lệ hình mô phỏng trên sản phẩm 5. Tìm hiểu quy trình thiết kế mẫu một sản phẩm công nghiệp. - Hình trang trí góp phần làm tăng vẻ đẹp trên sản phẩm thời trang.
Hoạt động 2: THỰC	

HÀNH BÀI VẼ Lưu ý: Học sinh có thể sử dụng giấy vẽ hoặc giấy tập	BÀI TẬP: Em hãy sử dụng hình vẽ thời tiền sử trang trí lên túi giấy đựng quà mà em thích. 
--	---

MÔN THỂ DỤC KHỐI 6 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bóng ném Cách cầm bóng
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. KHỞI ĐỘNG + Chạy chậm vòng quanh sân trường. + Các động tác xoay các khớp theo thứ tự từ trên xuống dưới bao gồm đầu, cổ, tay, vai, hông, gập duỗi gối, cổ tay – cổ chân. + Trò chơi phát triển sức nhanh: CHẠY VÀ CHUYỂN BÓNG NHANH - Mục đích: Rèn luyện khả năng ném và bắt, khả năng phán đoán, khéo léo, tinh thần đồng đội. - Dụng cụ: Quả bóng lớn, phấn viết để vẽ vạch quy định khu vực giới hạn 10 mx 10 m. - Cách thực hiện: Người chơi chia thành các nhóm. Cả nhóm điểm số từ 1 đến hết, mỗi nhóm có một quả bóng. Khi bắt đầu, bạn số 1 ném bóng cho bạn số 2 bắt, sau đó bạn số 2 ném cho bạn số 3,... Các bạn thực hiện ném và bắt bóng trong khu vực quy định. Mỗi bạn thực hiện từ 2 – 3 lần ném và bắt bóng. Nhóm nào không làm rơi bóng trong suốt lượt chơi là chiến thắng. II. Cách cầm bóng Cầm bóng bằng tay thuận. Đặt bóng từ lên các chạc tay, năm ngón tay chia đều cầm bóng, chủ yếu ở các ngón trỏ, giữa và áp út. III. Các bài tập bổ trợ làm quen với bóng : - Bài 1: Tung bắt bóng bằng 1 tay và bắt bóng bằng 2 tay. - Bài 2: Hai tay phối hợp tung và bắt bóng. - Bài 3: Bắt bóng nỏ.

	Bài 4: Tung bóng qua khoeo chân và bắt bóng. Bài 5: Ngồi xổm tung và bắt bóng. Bài 6: Tung bóng bằng 1 tay phía sau lưng, bắt bóng bằng 1 tay hoặc 2 tay. Bài 7: Ném và bắt bóng nảy. Bài 8: Ném bóng bằng 1 tay trên cao.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Ôn lại các kiến thức về Cách cầm bóng.

MÔN THỂ DỤC KHỐI 6 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bóng ném Ném bóng bằng một tay trên vai Ném bóng bằng một tay trên vai trúng đích
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. KHỞI ĐỘNG + Chạy chậm vòng quanh sân trường. + Các động tác xoay các khớp theo thứ tự từ trên xuống dưới bao gồm đầu, cổ, tay, vai, hông, gập duỗi gối, cổ tay – cổ chân. II. Ném bóng bằng một tay trên vai - <i>Tư thế chuẩn bị:</i> Tay thuận cầm bóng co tự nhiên trên vai, khuỷu tay gập. Tay không cầm bóng: đưa ngang vai, bàn tay duỗi thẳng định hướng góc ném. Thân trên thẳng, hai chân đứng trước sau, mắt nhìn theo hướng ném. - <i>Thực hiện:</i> Tay thuận đưa bóng từ sau ra trước và ném. Vai và hông cùng chuyển động về trước theo hướng ném. Chân sau có thể bước lên một bước để giữ thăng bằng. III. Ném bóng bằng một tay trên vai trúng đích <i>Tư thế chuẩn bị:</i> Như tư thế chuẩn bị của ném bóng bằng một tay trên vai, chân đứng sát vạch quy định. - <i>Thực hiện:</i> Thực hiện kỹ thuật ném bóng bằng một tay trên vai hướng vào các vòng tròn đồng tâm. IV. Luyện tập nhóm - Tổ chức lớp thành các nhóm nhỏ theo đôi hình hàng ngang, sử dụng các dụng cụ mô phỏng như bóng nhựa, bóng nún nha, bóng tennis.... - Giáo viên nên quy định về lực ném và chọn dụng cụ sao cho phù hợp với nhóm. Chú ý quan sát học sinh trong quá trình tập luyện tránh trường hợp vô ý ném vào nhau gây chấn thương hoặc hư hỏng dụng cụ, lớp học,... Giáo viên hoặc người chỉ huy hô hiệu lệnh để cả nhóm cùng thực hiện: + Thực hiện ném bóng bằng một tay trên vai, không cầm bóng. + Thực hiện ném bóng bằng một tay trên vai, cầm bóng và ném vào lưới cự li từ 10 – 15 m.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Ôn lại các kiến thức về ném bóng bằng một tay trên vai, ném bóng bằng một tay trên vai trúng đích.